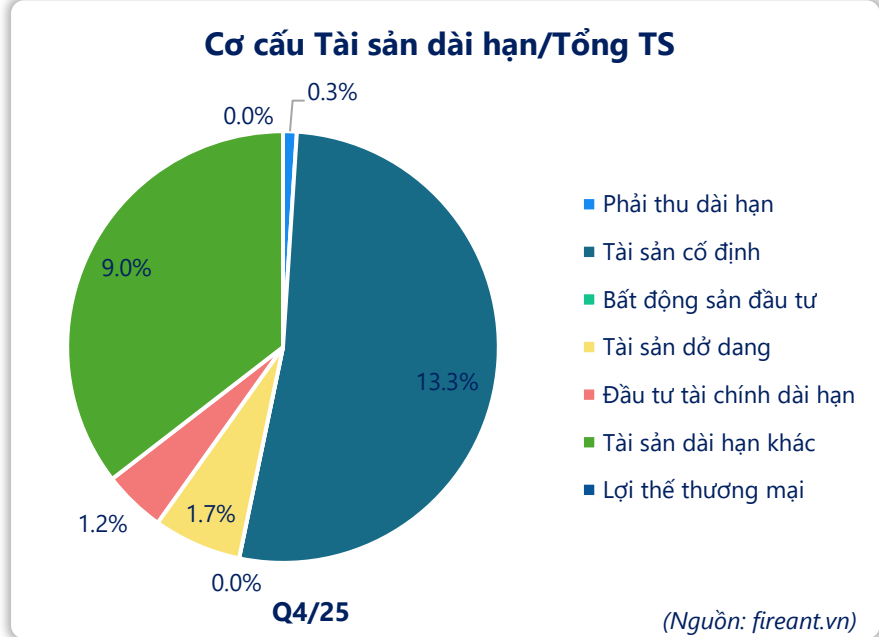
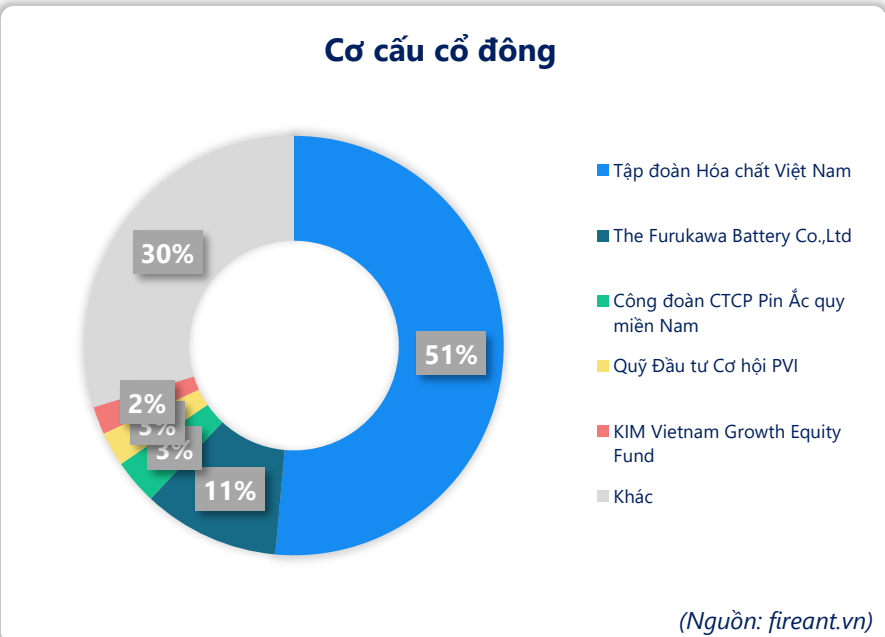
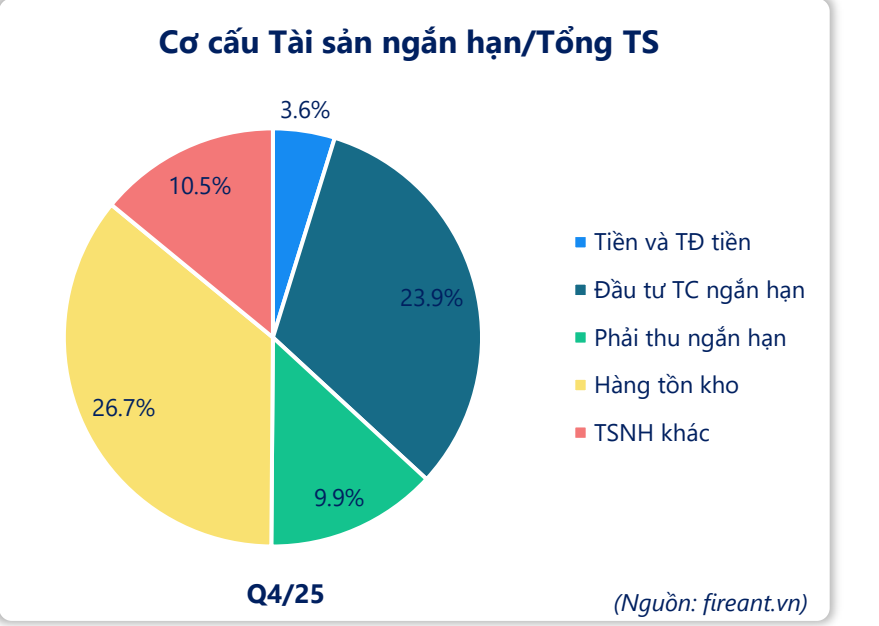
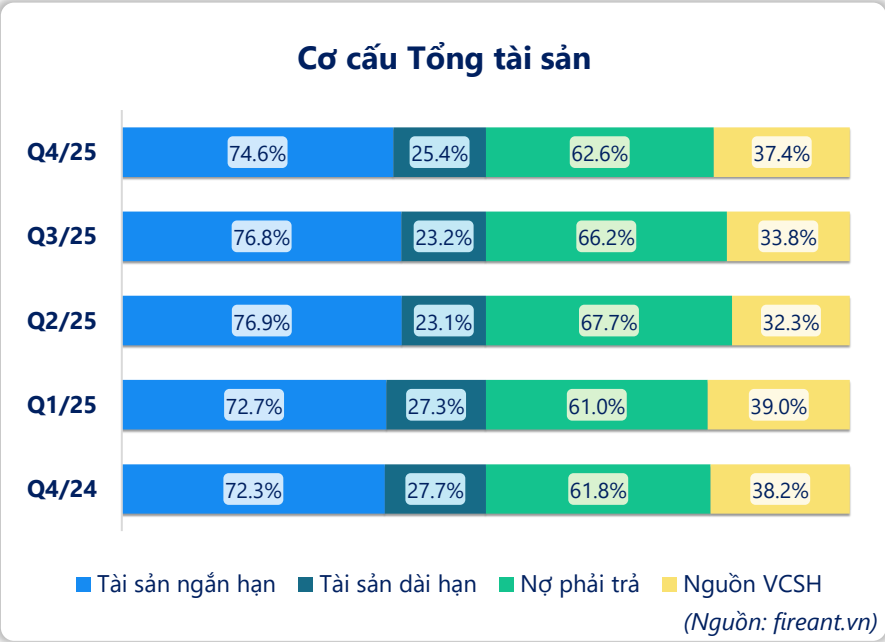
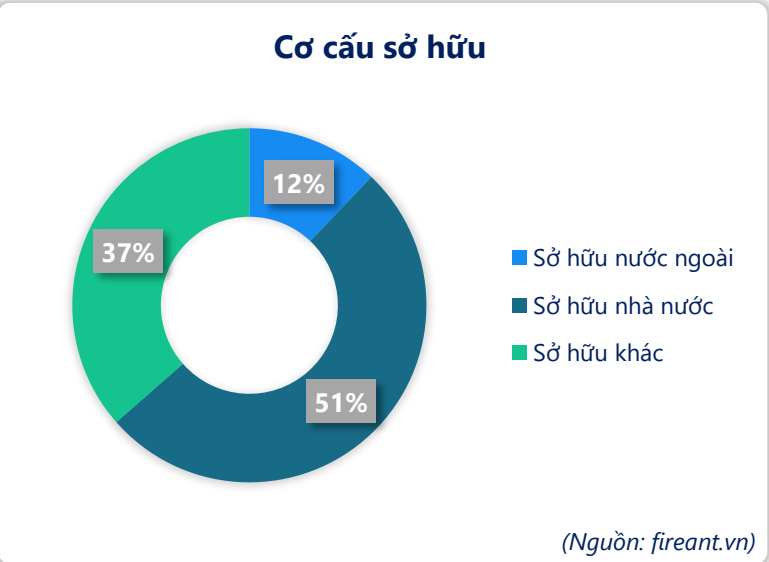
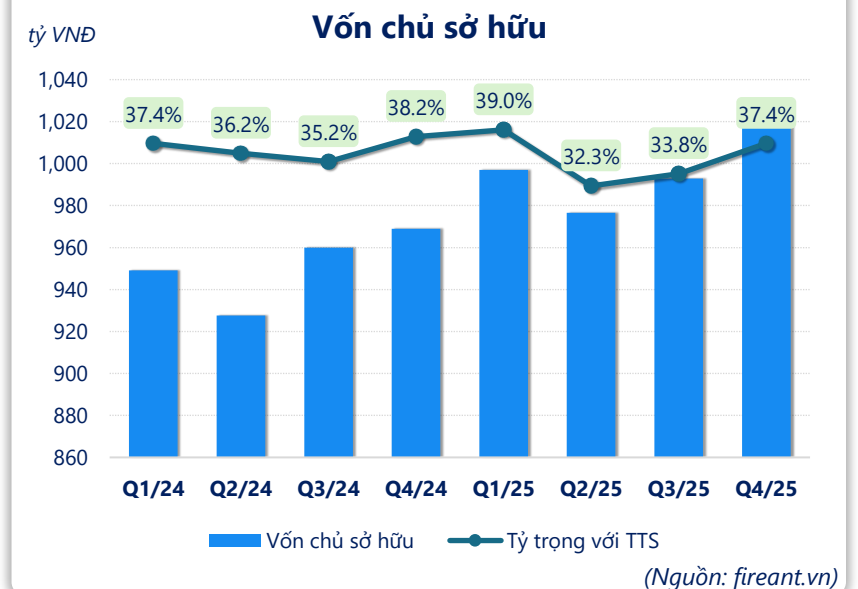
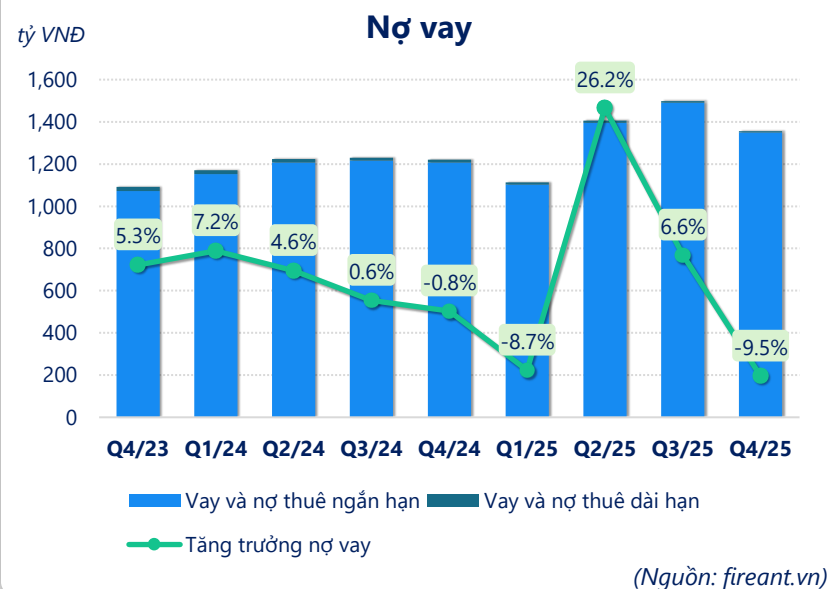
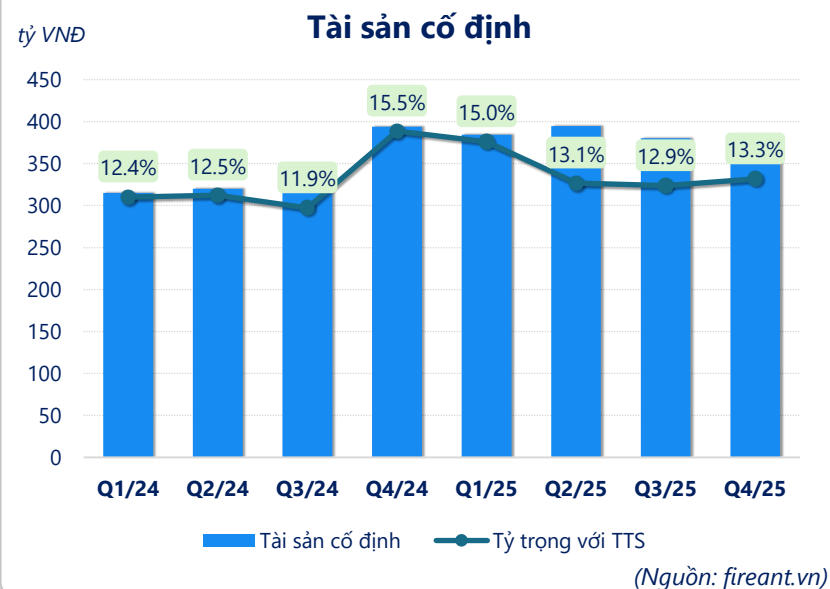
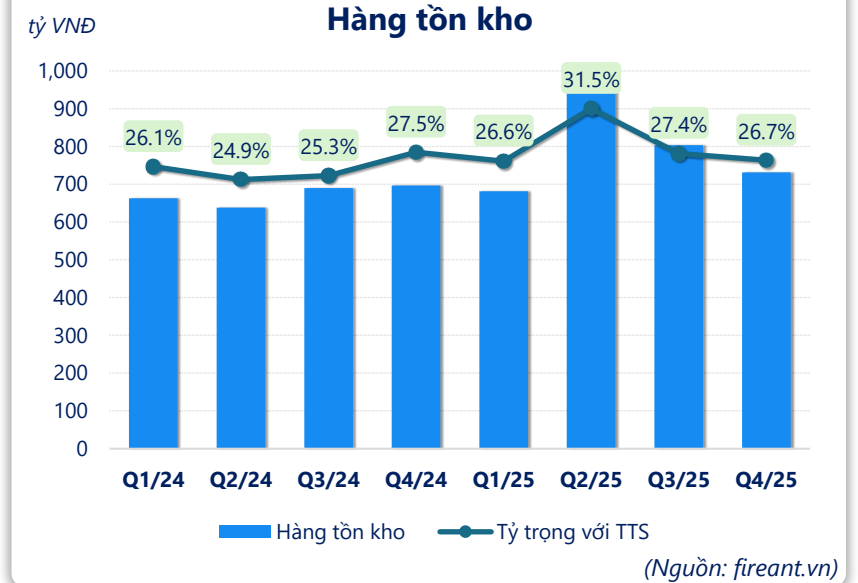
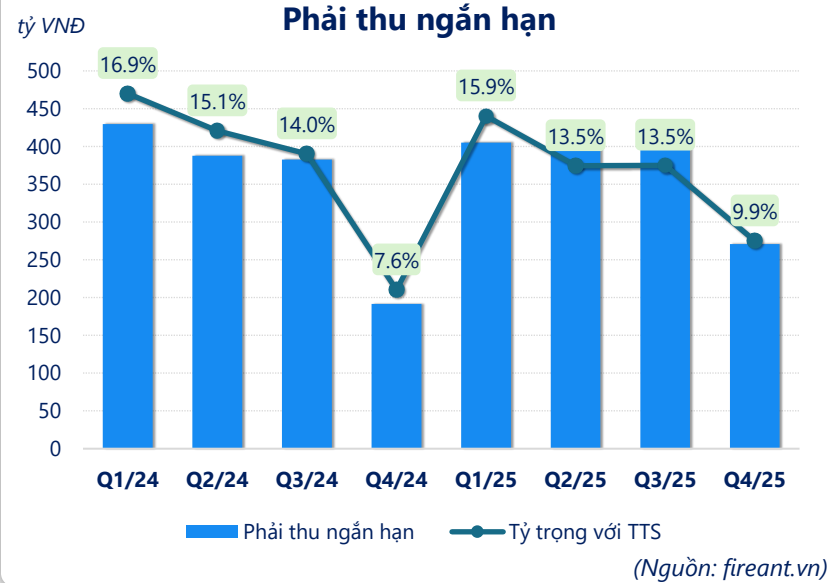
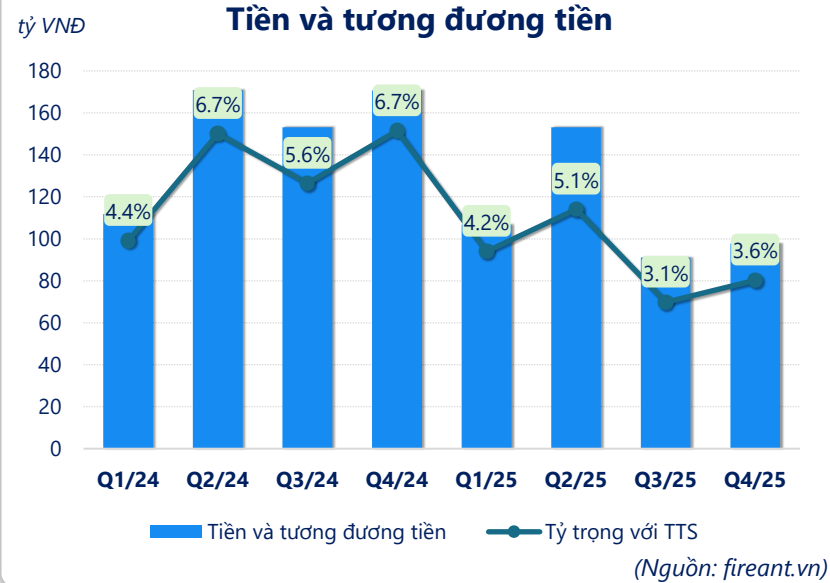
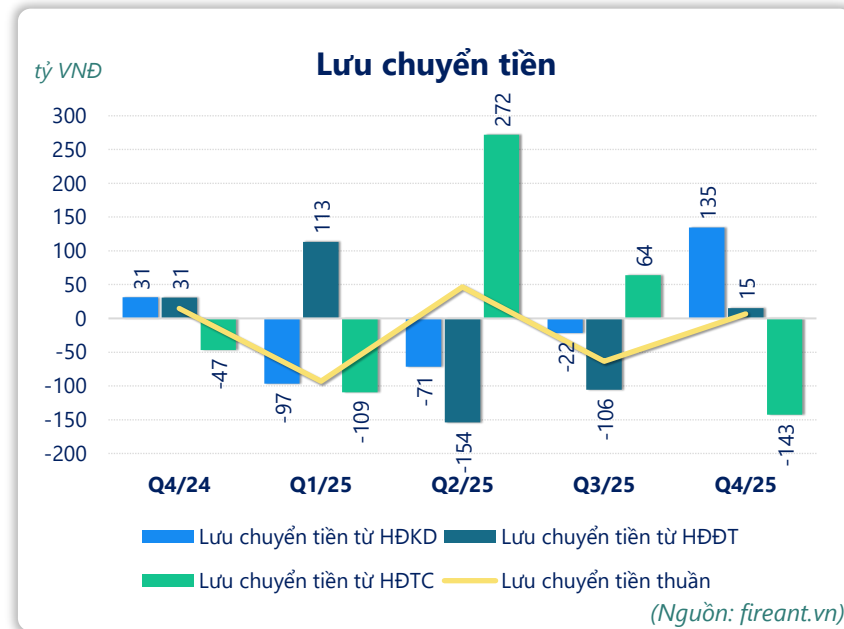
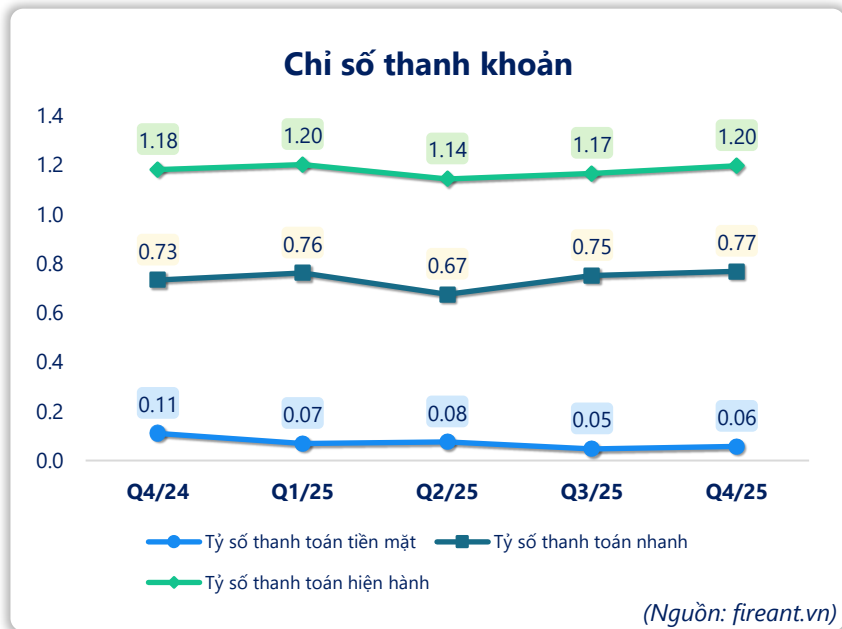
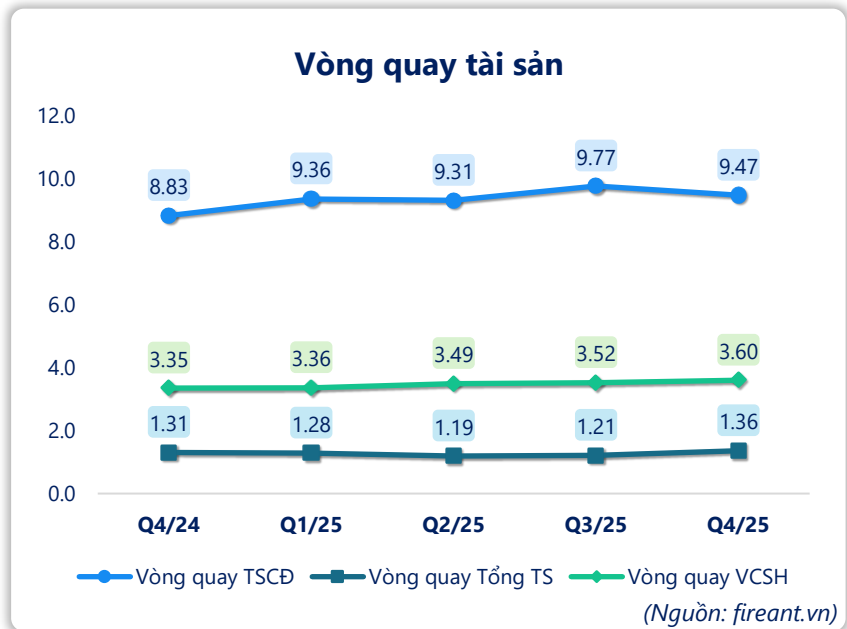
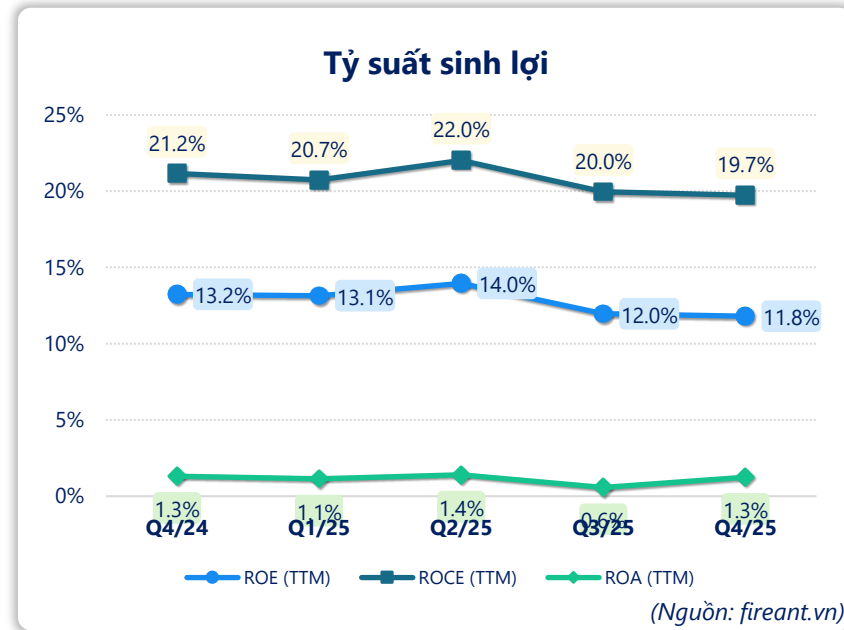
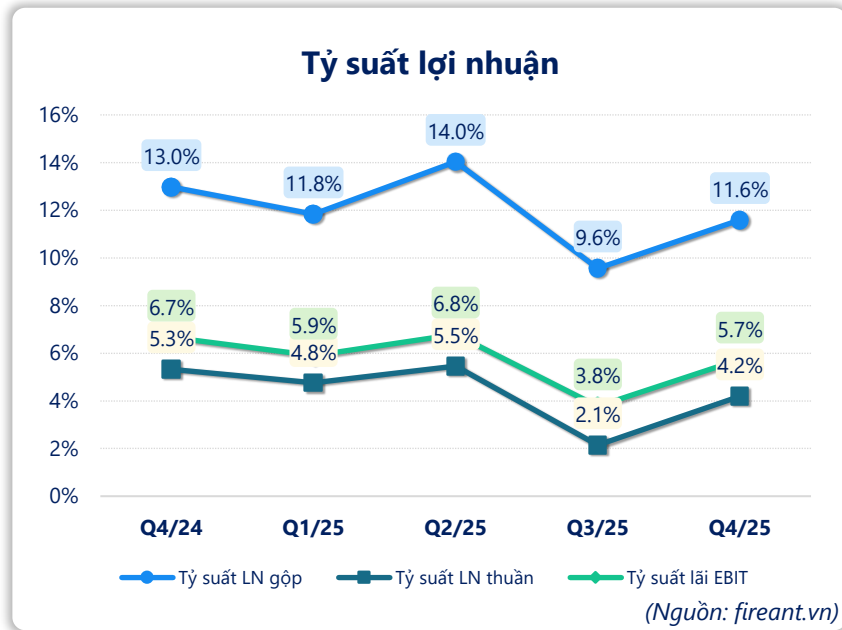
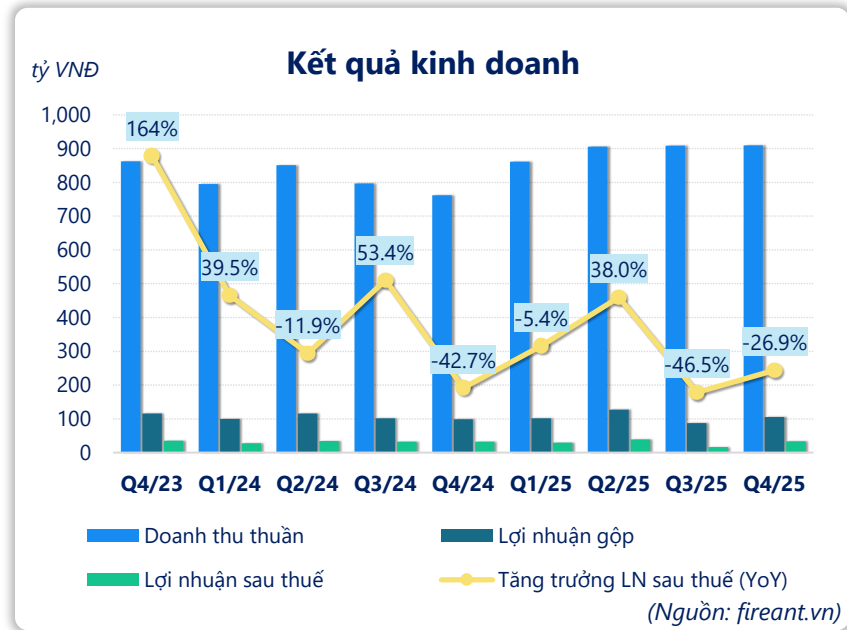


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,128
SL cổ phiếu LH		69,707,328
KLGD BQ 20 phiên (CP)		228,745
% sở hữu nước ngoài		12.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,561
P/E		13.3
EPS		1,687

	YTD	1T	3T	6T
PAC	-22.4%	-8.2%	-11.5%	-3.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,738	2,535	8.0%
Tài sản ngắn hạn	2,042	1,832	11.5%
Tiền và tương đương tiền	97.7	201	-51.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	655	555	18.0%
Phải thu ngắn hạn	271	192	41.3%
Hàng tồn kho	732	696	5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	287	189	52.2%
Tài sản dài hạn	695	703	-1.0%
Phải thu dài hạn	7.16	5.84	22.6%
Tài sản cố định	363	394	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	45.9	20.6	123%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	32.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	247	250	-1.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,714	1,566	9.4%
Nợ ngắn hạn	1,706	1,551	10.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,349	1,207	11.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	193	117	64.5%
Nợ dài hạn	7.98	15.0	-47.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.57	13.1	-50.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,024	969	5.7%
Vốn chủ sở hữu	1,024	969	5.7%
Vốn điều lệ	697	465	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	762	862	906	909	909
Giá vốn hàng bán	663	760	779	822	804
Lợi nhuận gộp	98.9	102	127	86.9	105
Doanh thu HĐTC	7.91	10.6	10.2	10.8	12.0
Chi phí TC	17.9	13.3	17.4	15.4	13.5
Chi phí lãi vay	10.2	9.80	11.5	13.7	13.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	31.9	43.0	47.2	47.5	49.9
Chi phí QLDN	16.4	15.3	23.3	15.3	15.9
LN thuần từ HĐKD	40.6	41.0	49.5	19.5	38.1
Lợi nhuận khác	-0.01	0.12	0.51	1.05	0.36
LN trước thuế	40.6	41.1	50.0	20.6	38.5
Lợi nhuận sau thuế	32.3	29.1	39.1	16.2	33.1
LNST của CĐ cty mẹ	32.3	29.1	39.1	16.2	33.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.1	-96.7	-71.3	-21.7	135
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.6	113	-154	-106	15.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-47.0	-109	272	64.0	-143
Tiền đầu kỳ	153	201	107	153	91.1
Lưu chuyển tiền thuần	14.7	-93.0	46.5	-63.3	6.86
Ảnh hưởng tỷ giá	2.76	-0.79	-0.12	1.27	-0.24
Tiền cuối kỳ	171	107	153	91.1	97.7

(Nguồn: fireant.vn)